TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 234/2019/HNGĐ-ST
Ngày 18 - 11 - 2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Anh Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Vân

Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 717/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019 về ly hôn tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 248/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2019 và Quyết hoãn phiên tòa số 211/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị N; địa chỉ: Thôn D, xã LK, huyện NT, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn B; địa chỉ: Thôn D, xã LK, huyện NT, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn B xây dựng hạnh phúc với nhau vào năm 2006, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ hỏi cưới theo phong tục tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LK, huyện NT, thành phố Hải Phòng. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, cuộc sống chung có nhiều bất

đồng quan điểm về nhiều mặt. Chị Nguyễn Thị N nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục được nữa tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn anh Nguyễn Văn B. Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Duy C, sinh ngày 15 tháng 8 năm 2007, hiện nay con chung đang ở với anh Nguyễn Văn B nên khi ly hôn chị Nguyễn Thị N để anh Nguyễn Văn B tiếp tục nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con chị Nguyễn Thị N đề nghị để chị và anh Nguyễn Văn B tự thỏa thuận giao nhận cho nhau không nghị Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, chị Nguyễn Thị N trình bày vợ chồng có tài sản chung nhưng không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ý kiến và đề nghị của bị đơn: Anh Nguyễn Văn B đã được Tòa án tống đạt các văn bản và các quyết định tố tụng nhưng không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn. Về con chung, giao cho anh Nguyễn Văn B trực tiếp nuôi con. Về cấp dưỡng cho con và tài sản chung không xem xét giải quyết vì không có yêu cầu giải quyết. Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án: Bản tự khai của đương sự; bản sao sổ hộ khẩu; bản sao giấy khai sinh của con xác định vợ chồng có 01 con chung; bản sao giấy chứng nhận kết hôn số 37, ngày 06 tháng 10 năm 2006 của Ủy ban nhân dân xã LK, huyện NT, thành phố Hải Phòng xác định chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn B kết hôn từ ngày 06 tháng 10 năm 2006; tài liệu xác minh tại chính quyền địa phương xác định vợ chồng có mâu thuẫn từ đầu năm 2014, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp và vợ chồng ly thân nhau và anh Nguyễn Văn B vẫn đang sinh sống tại thôn Dưới, xã LK, huyện NT, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn B được xác lập vào năm 2006 là hợp pháp. Tài liệu chứng cứ thu thập được thể hiện quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp và vợ chồng đã ly thân nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập anh Nguyễn Văn B nhiều lần để hòa giải nhưng anh Nguyễn Văn B đều vắng mặt, điều này thể hiện anh Nguyễn Văn B không có mong muốn hòa giải. Chứng tỏ, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận đề nghị của chị Nguyễn Thị N là phù hợp Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn B có 01 con chung tên Nguyễn Duy C, sinh ngày 15 tháng 8 năm 2007, hiện nay con đang ở với anh Nguyễn Văn B, khi ly hôn chị Nguyễn Thị N có nguyện vọng để anh Nguyễn Văn B tiếp tục nuôi con. Việc nuôi con của anh Nguyễn Văn B ổn định và con chung có nguyện vọng muốn ở với cha nên khi ly hôn giao con chung cho anh Nguyễn Văn B tiếp tục nuôi con là phù hợp Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng cho con, chị Nguyễn Thị N không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Giao anh Nguyễn Văn B trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Duy C, sinh ngày 15 tháng 8 năm 2007. Việc nuôi con được thực hiện cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002981 ngày 06 tháng 9 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự

huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã LK, huyện NT;
- Đương sự;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Anh Sơn